TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NHO QUAN** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39 /2024/HNGĐ-ST
Ngày: 31/7/2024
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHO QUAN, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Thanh Nhàn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Phiếu

Bà Nguyễn Thị Phương Thiệu

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng – Thư ký viên, Toà án nhân dân huyện Nho Quan

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Nho Quan tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Ngần– Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 144/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2024;về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn*".Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2024/QĐST-DS ngày 26 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Chị Bùi Thị N sinh năm 1989; Địa chỉ: Thôn S, xã C, huyện N, tỉnh Ninh Bình (Vắng mặt có lý do)

- **Bị đơn:** Anh Đinh Văn L sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn S, xã C, huyện N, tỉnh Ninh Bình (Vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện,bản tự khai, Nguyên đơn chị Bùi Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh L được tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đăng ký kết hôn ngày 28/10/2008 tại UBND xã C, huyện N, tỉnh Ninh Bình Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị không có tiếng nói chung. Thường xuyên đánh chửi nhau. Trong thời gian sinh sống hai vợ chồng

chị mâu thuẫn càng trầm trọng khiến không khí gia đình căng thẳng. Kể từ năm 2020, chị N và anh L đã ly thân cho đến nay. Chị N thấy cho đến nay mâu thuẫn đã căng thẳng, trầm trọng không còn ai quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nên chị làm đơn này đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh Đinh Văn L.

Về con chung: Chị và anh L có 01 con chung là cháu Đinh Ngọc Hương G sinh ngày 23/8/2008 hiện đang ở với chị N. Khi ly hôn chị N có nguyện vọng được nuôi cháu đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung và công nợ chung không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại đơn xin xử vắng mặt chị Bùi Thị N vẫn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đinh Văn L vì tình cảm anh chị không còn. Về con chung chị N có nguyện vọng được nuôi cháu G đến khi cháu đủ 18 tuổi và cấp dưỡng nuôi con chung không yêu cầu. Về tài sản chung và công nợ chung chị N không đề nghị tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, các tài liệu,chứng cứ có tại hồ sơ thể hiện như sau:

- Bị đơn anh L đã được Tòa án thông báo hợp lệ nhưng vẫn không có mặt. Quá trình giải quyết Tòa án đã về làm việc tại giai đình anh L thì bố đẻ anh L đã có ý kiến trao đổi lại với Tòa án. Anh L đã nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án và đã biết việc chị N xin ly hôn thì anh L có đồng ý ly hôn và con chung anh L và chị N có 01 con chung là cháu Đinh Ngọc Hương G và đồng ý giao cháu G cho chị N nuôi dưỡng, chăm sóc. Hiện nay cháu đang ở với mẹ.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Nho Quan tham gia tố tụng tại phiên tòa giải quyết vụ án sơ thẩm phát biểu ý kiến:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng các Điều 5, Điều 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị N. Xử ly hôn giữa chị Bùi Thị N và anh Đinh Văn L.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao cháu Đinh Ngọc Hương G sinh ngày 23/8/2008 cho chị Bùi Thị N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung

3. Về án phí: Chị Bùi Thị N phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên Hội đồng xét xử nhận định các vấn đề phải giải quyết trong vụ án như sau:

[1].*Về áp dụng pháp luật tố tụng*:

Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là quan hệ ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn; Tòa án nhân dân huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo khoản 1 Điều 28, Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Bùi Thị N có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Theo khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải là có căn cứ.

- Ngày 11/7/2024 là nguyên đơn chị Bùi Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt. Theo quy định Điều 227; Khoản 1, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị N.

- Anh Đinh Văn L là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Vì vậy tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh L theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự

[2].*Về áp dụng pháp luật nội dung*:

[2.1].Về quan hệ hôn nhân: chị Bùi Thị N và anh Đinh Văn L được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn ngày 28/10/2008 tại UBND xã C, huyện N, tỉnh Ninh Bình trên cơ sở tự nguyện đây là cuộc hôn nhân hợp pháp cần được pháp luật bảo vệ. Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 33 quyển số 01/2008 đây là hôn nhân hợp pháp theo Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị không có tiếng nói chung. Thường xuyên đánh chửi nhau Trong thời gian sinh sống hai vợ chồng chị mâu thuẫn càng trầm trọng khiến không khí gia đình căng thẳng. Kể

từ năm 2020, chị N và anh L đã ly thân cho đến nay. Chị N thấy cho đến nay mâu thuẫn đã căng thẳng, trầm trọng không còn ai quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nên chị làm đơn này đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh Đinh Văn L. Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Đinh Văn L đã được Tòa án thông báo hợp lệ nhưng vẫn không có mặt. Tòa án đã tiến hành làm việc tại giai đình anh L thì bố đẻ anh L đã có ý kiến trao đổi lại với Tòa án như sau: Do công việc của anh Đinh Văn L bận nên không thể sắp xếp công việc được để đến tòa án làm việc và có đề nghị xin xét xử vắng mặt và nhờ bố đẻ của anh Đinh Văn L nhận hộ toàn bộ văn bản tố tụng của Tòa án và giao cho anh L. Bản thân anh L đã nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án và đã biết việc chị N xin ly hôn thì anh L có đồng ý ly hôn và con chung anh L và chị N có 01 con chung là cháu Đinh Ngọc Hương G và đồng ý giao cháu G cho chị N nuôi dưỡng, chăm sóc. Chính quyền địa phương nơi chị N và anh L đăng ký kết hôn và cư trú cũng xác nhận. Sau khi đăng ký kết hôn có sinh sống tại xã C, huyện N. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng chị N và anh L thì địa phương không nắm rõ nhưng thực tế khi sinh sống ở địa phương chị N và anh L có xảy ra mâu thuẫn, xích mích, cãi chửi xúc phạm lẫn nhau từ năm 2020. Do vậy Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận đơn khởi kiện của chị N, xử cho chị Bùi Thị N được ly hôn với anh Đinh Văn L là phù hợp Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2].Về con chung: chị Bùi Thị N và anh Đinh Văn L có 01 con chung là cháu Đinh Ngọc Hương G sinh ngày 23/8/2008 hiện đang ở với chị N. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu G và anh L cũng có ý kiến đồng ý giao cháu G cho chị N nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi. Tại đơn đề nghị của cháu G đề ngày 25/6/2024, cháu G có trình bày nguyện vọng muốn được ở với mẹ là chị N. Vì vậy, căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình và nguyện vọng được nuôi con của chị N là chính đáng và anh L có ý kiến đồng ý để chị N nuôi con nên Hội đồng xét xử thấy rằng cần giao cho chị trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đinh Ngọc H G đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét.

[2.3].Về tài sản chung, công nợ chung: Chị N không yêu cầu do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[3].Về án phí hôn nhân và gia đình: chị Bùi Thị N chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147,khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Xử cho chị Bùi Thị N được ly hôn đối với anh Đinh Văn L. Quan hệ hôn nhân của chị Bùi Thị N và anh Đinh Văn L chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao cháu Đinh Ngọc Hương G sinh ngày 23/8/2008 cho chị Bùi Thị N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Đinh Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

"Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở giáo dục con; Cha mẹ không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con"

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Bùi Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BLTU/23/0001286 ngày 11 tháng 6 năm 2024.

4. Án xử công khai sơ thẩm chị Bùi Thị N và anh Đinh Văn L vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lâm Thị Thanh Nhàn

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND H. NQ;
- Chi cục THA H. NQ;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lâm Thị Thanh Nhàn